

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 02/2004/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế chuyên cơ hàng không dân dụng

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 1995;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/04/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 267/2003/QĐ-TTg ngày 19/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chuyên cơ hàng không dân dụng.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 2485/1998/QĐ-CHK ngày 01/09/1998 của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam ban hành Quy định tạm thời bảo đảm chuyên cơ trong ngành hàng không dân dụng và Quyết định số 25/2000/QĐ-CHK ngày 07/09/2000 của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định tạm thời bảo đảm chuyên cơ trong ngành hàng không dân dụng.

Điều 3: Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Đã ký)

Đào Đình Bình

QUY CHẾ

CHUYÊN CƠ HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

*(Ban hành kèm theo quyết định số 02/2004/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2004
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định các tiêu chuẩn chuyên cơ, phương thức giao nhận và thực hiện các chuyến bay chuyên cơ Việt Nam và chuyên cơ nước ngoài trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.
- Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc thực hiện các chuyến bay chuyên cơ trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Chuyến bay chuyên cơ là chuyến bay của Việt Nam hoặc nước ngoài được sử dụng hoàn toàn riêng biệt hoặc kết hợp vận chuyển thương mại và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc thông báo theo quy định phục vụ chuyên cơ.

2. Chuyên cơ nước ngoài là chuyến bay chuyên cơ do nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện bay đến, bay đi hoặc bay qua lãnh thổ Việt Nam.
3. Chuyên cơ Việt Nam là chuyến bay chuyên cơ do doanh nghiệp vận tải hàng không Việt Nam tổ chức thực hiện trong, ngoài lãnh thổ Việt Nam.
4. Cơ quan có thẩm quyền là các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội Việt Nam có thẩm quyền xác định, giao nhiệm vụ đảm bảo bay chuyên cơ cho ngành hàng không dân dụng.
5. Hàng chuyên cơ là những loại hàng hóa mà cơ quan có thẩm quyền quy định chuyên chở theo Quy chế này.
6. Khách chuyên cơ là lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam và các cá nhân mà cơ quan có thẩm quyền quy định phục vụ theo Quy chế này.

Điều 3: Nguyên tắc đảm bảo chuyên cơ

Chuyến bay chuyên cơ được bảo đảm theo những nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, yêu cầu áp dụng chung và áp dụng bổ sung đối với máy bay, động cơ máy bay, người lái, tiếp viên trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam và nhân viên kỹ thuật đi theo đảm bảo bay cho máy bay chuyên cơ Việt Nam;
2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, yêu cầu áp dụng chung và áp dụng bổ sung đối với kiểm soát viên không lưu trực tiếp điều hành chuyến bay chuyên cơ; đối với các trang thiết bị, nhân viên tham gia phục vụ chuyến bay chuyên cơ;
3. Tuân thủ trình tự quy định, phương thức giao nhận nhiệm vụ chuyên cơ, chuẩn bị, thực hành và điều hành chuyến bay chuyên cơ;
4. Tuân thủ các yêu cầu về phục vụ khách chuyên cơ, chuyên chở hàng chuyên cơ và các yêu cầu liên quan khác của cơ quan có thẩm quyền;
5. Bảo đảm quy định về nghi thức đón tiễn khách chuyên cơ của cơ quan có thẩm quyền;
6. Tuân thủ các yêu cầu, quy định về đảm bảo an ninh, an toàn cho chuyến bay chuyên cơ;
7. Đảm bảo bí mật theo quy định của pháp luật.

Chương 2:

TIÊU CHUẨN CHUYÊN CƠ

Điều 4: Máy bay đăng ký Việt Nam làm nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam

1. Máy bay được thiết kế chuyên làm nhiệm vụ chuyên cơ được khai thác, bảo dưỡng theo các tiêu chuẩn, yêu cầu của nhà chế tạo đối với máy bay đó.
2. Máy bay thương mại làm nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam, ngoài việc tuân thủ các tiêu chuẩn chung của nhà chế tạo, còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn bổ sung dưới đây:
 - a) Thuộc kiểu loại máy bay có hai động cơ trở lên;
 - b) Đã được sử dụng không quá 2/3 thọ mệnh theo quy định của nhà chế tạo về niên hạn, về giờ bay hoặc về số lần cất, hạ cánh theo quy định tại Phụ lục của Quy chế này;
 - c) Có lịch sử khai thác, bảo dưỡng rõ ràng và không có hỏng hóc lặp lại nhiều lần mà chưa xác định được nguyên nhân;
 - d) Có cấu hình đáp ứng được các yêu cầu về nghi lễ ngoại giao khi có yêu cầu;
 - đ) Có chỗ nằm nghỉ ngơi hoặc ghế ngồi tiện lợi cho nhu cầu nghỉ ngơi của khách chuyên cơ khi chuyến bay kéo dài từ 4 giờ trở lên;
 - e) Có phương tiện phục vụ việc liên lạc với mặt đất cho khách chuyên cơ trong suốt chuyến bay.

Điều 5: Máy bay đăng ký nước ngoài làm nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam

Máy bay đăng ký nước ngoài thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam, ngoài việc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Quy chế này, còn phải đáp ứng các điều kiện bổ sung dưới đây:

1. Máy bay đó do doanh nghiệp vận tải hàng không Việt Nam thuê khai thác;
2. Doanh nghiệp vận tải hàng không Việt Nam thuê khai thác máy bay có văn bản đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cho sử dụng máy bay đó để thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam;
3. Được Cục trưởng Cục hàng không Việt Nam cho phép làm nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam bằng văn bản.

Điều 6: Động cơ lắp trên máy bay chuyên cơ Việt Nam

1. Động cơ lắp trên máy bay, mà máy bay đó được thiết kế chuyên làm nhiệm vụ chuyên cơ, được khai thác, bảo dưỡng theo các tiêu chuẩn, yêu cầu của nhà chế tạo máy bay đó.

2. Động cơ lắp trên máy bay thương mại làm nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam, ngoài việc tuân thủ các tiêu chuẩn chung của nhà chế tạo, phải đáp ứng các tiêu chuẩn bổ sung dưới đây:

- a) Đã được sử dụng không quá 90% thọ mệnh quy định đối với bộ phận, chi tiết của động cơ có quy định thọ mệnh;
- b) Có lịch sử khai thác, bảo dưỡng rõ ràng, không có hỏng hóc lặp lại nhiều lần đối với bộ phận, chi tiết của động cơ mà chưa xác định được nguyên nhân;
- c) Được Giám đốc doanh nghiệp vận tải hàng không Việt Nam cấp phép bằng văn bản cho động cơ được làm nhiệm vụ chuyên cơ.

Điều 7: Người lái máy bay chuyên cơ Việt Nam

1. Người lái máy bay chuyên cơ Việt Nam, ngoài việc phải có đủ các tiêu chuẩn chung theo quy định của người lái máy bay, còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn bổ sung dưới đây:

- a) Có quốc tịch Việt Nam;
- b) Có tổng số giờ bay tích lũy chung đạt từ 2000 (hai nghìn) giờ trở lên;
- c) Có tổng số giờ bay tích lũy trên kiểu loại máy bay làm nhiệm vụ chuyên cơ, theo vị trí lái được phép, đạt từ 300 (ba trăm) giờ trở lên;
- d) Có đạo đức, tác phong, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, lý lịch rõ ràng;
- đ) Trong quá trình công tác bay chưa mắc sai phạm gây uy hiếp an toàn từ mức khiển trách về bay trở lên.

2. Chỉ khi không thể bố trí được người lái có quốc tịch Việt Nam thì mới sử dụng người lái có quốc tịch nước ngoài làm nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam. Người lái có quốc tịch nước ngoài khi tham gia thực hiện chuyến bay chuyên cơ Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện dưới đây: